TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;
2. Ông Võ Tùng Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Ly N, sinh năm: 1983;
Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ liên lạc: ấp L1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973;
Địa chỉ: ấp S xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.
(Chị N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ly N trình bày:

Chị Trần Ly N và anh Nguyễn Văn Đ được mai mối và tự nguyện kết hôn vào năm 2006 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1. Sau khi cưới, anh Đ, chị N sống hạnh phúc được khoảng 19 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ nhậu nhẹt bê tha, không lo làm ăn, ghen tuông nên hay xúc phạm, nặng nhẹ, chà đạp vợ con. Vợ chồng chị thường hay gây gổ, cãi vã, mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị N đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có

kết quả. Chị N, anh Đ đã ly thân 04 năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay, chị N xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ô Q, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 30/9/2002. Hiện nay, hai con chung của anh chị đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do công việc của chị N không sắp xếp được nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Anh Đ vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ly N.

Về con chung: chị Na, anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Ô Q, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 30/9/2002. Hiện nay, hai con chung của anh chị đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 05/12/2022, chị Trần Ly N khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị N:*

Chị N, anh Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B1 được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/8/2006. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc được 19 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N, do anh Đ nhậu nhẹt bê tha, không lo làm ăn, ghen tuông nên hay xúc phạm, nặng nhẹ, chà đạp vợ con. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị N đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị N, anh Đ ly thân 04 năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định, anh Đ không còn tha thiết, không mong muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị N nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh Đ, chị N có 02 con chung là Nguyễn Ô Q, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 30/9/2002. Hiện nay, hai con chung của anh chị đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ly N xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Đ;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Ly N với anh Nguyễn Văn Đ.

* Về nuôi con chung: anh Nguyễn Văn Đông và chị Trần Ly Na có 02 (hai) con chung là Nguyễn Ô Q, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 30/9/2002. Hiện nay, hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: chị Trần Ly N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Ly N không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Trần Ly N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000655 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung